

BÀN VỀ MÔ HÌNH ĐẢNG CẦM QUYỀN VÀ CƠ CHẾ KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC Ở MỘT SỐ NƯỚC PHƯƠNG TÂY

LÊ THỊ BÌNH^(*)
NGUYỄN THU VÂN^(**)

Ngày nhận bài: 29/6/2025 Ngày thẩm định: 04/7/2025 Ngày duyệt đăng: 15/9/2025

Tóm tắt: Trong hệ thống chính trị ở các nước phương Tây, đảng chính trị đóng vai trò trung tâm trong việc thiết lập và vận hành quyền lực nhà nước. Mối quan hệ giữa đảng cầm quyền và nhà nước không chỉ định hình phương thức tổ chức quyền lực chính trị, mà còn ảnh hưởng sâu sắc đến tính ổn định và phát triển bền vững của quốc gia. Bài viết phân tích một số mô hình đảng cầm quyền ở các nước phương Tây.

Từ khóa: đảng cầm quyền; đảng chính trị; phương Tây; nhà nước

1. Một số mô hình về đảng cầm quyền và cơ chế kiểm soát quyền lực ở phương Tây

Một là, mô hình hai đảng và cơ chế kiểm soát quyền lực đảng cầm quyền của Hoa Kỳ

Hiến pháp Hoa Kỳ năm 1787 không trực tiếp đề cập đến các đảng phái chính trị. Tuy nhiên, thực tiễn vận hành quyền lực nhà nước cho thấy, từ những năm đầu của nền cộng hòa, các nhóm chính trị có tổ chức đã hình thành và dần phát triển thành những đảng chính trị lớn. Đến đầu thế kỷ XIX, Đảng Dân chủ và Đảng Cộng hòa đã xác lập vị thế chi phối toàn bộ đời sống chính trị của Hoa Kỳ⁽¹⁾. Điều này chứng tỏ rằng, dù không được ghi nhận chính thức trong

Hiến pháp, nhưng đảng phái chính trị đã trở thành trụ cột vận hành hệ thống quyền lực nhà nước, góp phần bảo đảm tính ổn định và đại diện cho ý chí nhân dân trong đời sống chính trị - xã hội Mỹ.

Thông qua cơ chế bầu cử tổng thống, đảng chiến thắng giành quyền kiểm soát toàn bộ hệ thống hành pháp liên bang. Tổng thống Hoa Kỳ, là nguyên thủ quốc gia và người đứng đầu chính phủ, đồng thời là lãnh đạo cao nhất của đảng cầm quyền⁽²⁾. Tổng thống có quyền bổ nhiệm các thành viên nội các, chỉ đạo các cơ quan hành chính trung ương và điều hành chính sách quốc gia. Trong trường hợp đảng cầm quyền nắm giữ đa số ghế trong cả Thượng viện và Hạ viện, mối liên kết giữa hành pháp và lập pháp được củng cố, tạo thuận lợi cho việc hoạch định và thực thi chương trình nghị sự quốc gia.

Mặc dù đảng cầm quyền nắm giữ quyền lực lớn trong việc điều hành đất nước, nhưng hệ thống chính trị Hoa Kỳ đã thiết

^(*) TS, Học viện Chính trị khu vực II, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

^(**) TS, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ

lập cơ chế kiểm soát quyền lực rất chặt chẽ. Ngay từ khi lập quốc, nguyên tắc kiểm soát và đối trọng quyền lực đã được xác lập, nhằm duy trì sự cân bằng giữa ba nhánh: lập pháp, hành pháp và tư pháp⁽³⁾. Quốc hội Hoa Kỳ có quyền giám sát và tiến hành thủ tục luận tội đối với Tổng thống khi có vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc pháp luật và đạo đức chính trị⁽⁴⁾. Các vụ luận tội Tổng thống Bill Clinton năm 1998 và Donald Trump năm 2019, năm 2021 là những minh chứng điển hình cho sự vận hành hiệu quả của cơ chế này.

Bên cạnh đó, Tòa án Tối cao Hoa Kỳ, với thẩm quyền kiểm tra tính hợp hiến, giữ vai trò trọng yếu trong việc giám sát và chế ước hoạt động của nhánh hành pháp và lập pháp. Các phán quyết lịch sử, như vụ Texas kiện Johnson (năm 1989), đã khẳng định rằng, quyền lực chính trị, dù lớn đến đâu, cũng phải tuân thủ những nguyên tắc cốt lõi của Hiến pháp⁽⁵⁾, đặc biệt là quyền tự do ngôn luận và quyền công dân.

Do đó, mô hình vận hành quyền lực của Hoa Kỳ vừa bảo đảm tính ổn định cho đảng cầm quyền trong việc thực thi chính sách, vừa đặt quyền lực đó trong khuôn khổ pháp lý nghiêm ngặt thông qua cơ chế kiểm soát và đối trọng chặt chẽ. Đây chính là yếu tố bảo đảm cho nền dân chủ Hoa Kỳ duy trì tính bền vững, giữ vững tính chính danh và củng cố lòng tin xã hội đối với hệ thống chính trị.

Hai là, mô hình cộng hòa bán tổng thống và cơ chế kiểm soát quyền lực đảng cầm quyền của Pháp

Hiến pháp Cộng hòa Pháp năm 1958 thiết lập mô hình cộng hòa bán tổng thống, trong đó quyền lực hành pháp được chia sẻ tương đối giữa Tổng thống và Chính phủ. Theo Điều 5, Tổng thống Cộng hòa bảo đảm sự tôn trọng Hiến pháp. Thông qua trọng tài của mình, Tổng thống bảo đảm sự vận hành thông suốt của các quyền lực công và sự liên tục của Nhà nước⁽⁶⁾. Quy

định này xác định rõ vai trò trung tâm của Tổng thống trong việc duy trì sự ổn định và tính hợp hiến của hệ thống chính trị. Theo Điều 20, “Chính phủ xác định và điều hành chính sách quốc gia”, Điều 21 khẳng định, “Thủ tướng lãnh đạo hoạt động của Chính phủ, chịu trách nhiệm về quốc phòng và thực thi các đạo luật”. Trong khi đó, Điều 24 quy định, “Quốc hội ban hành luật, kiểm soát hành động của Chính phủ và đánh giá các chính sách công”⁽⁷⁾. Như vậy, hệ thống quyền lực nhà nước tại Pháp được phân bổ linh hoạt: Tổng thống giữ vai trò chiến lược, Thủ tướng điều hành thường xuyên và Quốc hội giữ vai trò giám sát quyền lực hành pháp. Cách phân bổ này tạo nên sự phân quyền và phối hợp hiệu quả giữa các thiết chế công quyền.

Tại Pháp, việc thực thi quyền lực hành pháp và lập pháp phụ thuộc lớn vào sự tương thích chính trị giữa Tổng thống và đa số nghị sĩ Quốc hội. Khi Tổng thống và Quốc hội thuộc cùng một đảng, đảng cầm quyền có thể kiểm soát được cả nhánh hành pháp và lập pháp. Nhờ đó, chương trình chính sách quốc gia được triển khai một cách thống nhất và hiệu quả.

Ngược lại, khi Tổng thống và đa số nghị sĩ Quốc hội thuộc các đảng khác nhau, tình trạng “đồng nhiệm” xuất hiện. Trong trường hợp này, Tổng thống buộc phải bổ nhiệm Thủ tướng thuộc phe đối lập và phải thỏa hiệp trong việc thực hiện chính sách công.

Hiến pháp Cộng hòa Pháp quy định nhiều cơ chế kiểm soát quyền lực của đảng cầm quyền, trong đó nổi bật là Điều 49. Cụ thể, khoản 1 Điều 49 cho phép Thủ tướng cam kết trách nhiệm của Chính phủ trước Quốc hội về chương trình hành động; khoản 2 Điều 49 cho phép Quốc hội bỏ phiếu bất tín nhiệm để buộc Chính phủ từ chức; khoản 3 Điều 49 cho phép Chính phủ thông qua một đạo luật nếu Quốc hội không bỏ phiếu bất tín nhiệm. Cơ chế này vừa tạo điều kiện cho Chính phủ hành động quyết đoán, vừa bảo

đảm quyền kiểm soát thực chất của Quốc hội, đồng thời làm tăng tính trách nhiệm của đảng cầm quyền trước nhân dân.

Bên cạnh đó, Hội đồng Hiến pháp có thẩm quyền giám sát tính hợp hiến của các đạo luật và quyết định chính trị. Thiết chế này bảo vệ trật tự hiến định và ngăn chặn sự lạm dụng quyền lực, đặc biệt là trong các vấn đề, như mở rộng quyền hành pháp, sửa đổi luật bầu cử hay áp dụng tình trạng khẩn cấp. Nhờ cơ chế giám sát này, mọi hoạt động của đảng cầm quyền đều phải tuân thủ nguyên tắc pháp quyền, bảo đảm quyền lực được thực thi vì lợi ích chung, không phục vụ lợi ích phe nhóm⁽⁸⁾. Ngoài ra, báo chí tự do và xã hội dân sự tại Pháp đóng vai trò kiểm soát quyền lực mềm. Hai thiết chế này cảnh báo và phản biện kịp thời các biểu hiện chuyên quyền, thiên vị hoặc lợi ích nhóm trong hoạt động của đảng cầm quyền.

Mô hình cộng hòa bán tổng thống của Pháp thể hiện sự kết hợp chặt chẽ giữa hiệu lực điều hành và cơ chế kiểm soát quyền lực. Các điều khoản hiến định cụ thể, kết hợp với thực tiễn chính trị linh hoạt, cho phép đảng cầm quyền hoạt động hiệu quả trong khuôn khổ dân chủ pháp quyền, đồng thời duy trì tính cân bằng và trách nhiệm chính trị trong toàn bộ hệ thống.

Ba là, mô hình liên bang đa đảng và cơ chế kiểm soát quyền lực đảng cầm quyền của Đức

Hiến pháp Cơ bản Cộng hòa Liên bang Đức năm 1949 đã thiết lập một điều khoản riêng quy định về vai trò của các chính đảng trong đời sống chính trị. Cụ thể, khoản 1 Điều 21 nêu rõ: “Các chính đảng tham gia vào việc hình thành ý chí chính trị của nhân dân. Việc thành lập các đảng được tự do. Tổ chức nội bộ của các đảng phải tuân theo các nguyên tắc dân chủ. Các đảng có nghĩa vụ công khai báo cáo về tài sản cũng như về nguồn gốc và việc sử dụng các quỹ của mình”⁽⁹⁾.

Quy định này khẳng định đảng chính trị không chỉ là công cụ tranh cử, mà còn là

chủ thể chủ động kiến tạo và điều hướng dư luận xã hội trong khuôn khổ Hiến pháp. Ngoài ra, khoản 1 Điều 38 của Hiến pháp cũng quy định: “Các nghị sĩ Quốc hội Liên bang được bầu bằng phổ thông đầu phiếu, trực tiếp, tự do, bình đẳng và kín”⁽¹⁰⁾. Nội dung này bảo đảm rằng, các đảng cầm quyền tại Đức phải giành được sự ủng hộ thông qua bầu cử công khai, công bằng và phải hoạt động trong trật tự dân chủ pháp quyền nghiêm ngặt.

Do đặc điểm của hệ thống đa đảng, nên việc một đảng giành đa số tuyệt đối trong Quốc hội Liên bang rất hiếm xảy ra. Thay vào đó, các đảng thường phải liên kết để hình thành liên minh cầm quyền. Sau bầu cử, Quốc hội sẽ bầu Thủ tướng Liên bang theo Điều 63 của Hiến pháp: “Thủ tướng Liên bang được bầu theo đề nghị của Tổng thống Liên bang mà không cần thảo luận. Người được bầu là người nhận được đa số phiếu bầu của các thành viên Hạ viện”⁽¹¹⁾. Các đảng liên minh phải xây dựng một “thỏa thuận liên minh”. Văn kiện này quy định việc phân chia trách nhiệm, chương trình chính sách và vị trí bộ trưởng theo tỷ lệ. Điều này phản ánh sự hợp tác, đồng thuận và minh bạch trong tổ chức quyền lực của đảng cầm quyền tại Đức.

Để kiểm soát và chế ước quyền lực của đảng cầm quyền, Quốc hội có quyền kiểm soát quyền lực hành pháp thông qua cơ chế bỏ phiếu bất tín nhiệm mang tính xây dựng được quy định tại Điều 67 của Hiến pháp: “Hạ viện chỉ có thể rút lại sự tín nhiệm đối với Thủ tướng Liên bang bằng cách bầu một người kế nhiệm với đa số phiếu của các thành viên và đề nghị Tổng thống Liên bang bổ nhiệm người đó”⁽¹²⁾. Điểm cần chú ý ở đây là Quốc hội không thể đơn thuần phế truất Thủ tướng mà không đưa ra phương án thay thế. Quy định này giúp tránh khủng hoảng chính trị do xung đột phe phái.

Bên cạnh đó, Tòa án Hiến pháp Liên bang, quy định tại Điều 93 của Hiến pháp,

có thẩm quyền kiểm tra tính hợp hiến của các luật và các hành vi công quyền. Tòa án cũng có quyền xem xét và giải tán các đảng phái vi phạm “trật tự dân chủ tự do cơ bản” theo khoản 2 Điều 21 của Hiến pháp: “Các đảng nhằm làm suy yếu hoặc xóa bỏ trật tự dân chủ tự do cơ bản, hoặc gây nguy hại đến sự tồn tại của Cộng hòa Liên bang Đức, là vi hiến. Vấn đề vi hiến sẽ do Tòa án Hiến pháp Liên bang quyết định”⁽¹³⁾. Ngoài ra, các thiết chế truyền thông độc lập, tòa án hành chính mạnh, các tổ chức xã hội và nghiệp đoàn cũng tham gia kiểm soát quyền lực mềm. Những thiết chế này góp phần tạo nên một mạng lưới cân bằng quyền lực dân chủ sâu rộng.

Bốn là, hệ thống nghị viện và cơ chế kiểm soát quyền lực đảng cầm quyền trong nhà nước không có hiến pháp thành văn tại Anh

Không giống như các quốc gia phương Tây khác, Vương quốc Anh không có một bản hiến pháp thành văn thống nhất. Thay vào đó, hệ thống pháp lý của Anh được cấu thành từ nhiều nguồn: các đạo luật của Quốc hội (statute law), các nguyên tắc tập quán lâu đời (common law), các quy ước hiến pháp (constitutional conventions) và các học thuyết pháp lý có tính thuyết phục (works of authority)⁽¹⁴⁾.

Mặc dù không được quy định bằng một điều khoản cụ thể nào, đảng chính trị giành được đa số ghế trong Hạ viện sẽ được mời thành lập Chính phủ. Theo Đạo luật Cải cách năm 1832 và các lần cải cách sau này, quyền phổ thông đầu phiếu được mở rộng, khiến vai trò của các đảng phái trong bầu cử và tổ chức chính phủ ngày càng trở nên thiết yếu⁽¹⁵⁾.

Khi một đảng giành đa số ghế trong Hạ viện sau cuộc tổng tuyển cử, thủ lĩnh của đảng đó sẽ được Quốc vương mời thành lập Chính phủ. Quy trình này dựa trên nguyên tắc “thực quyền thuộc về dân, danh nghĩa thuộc về Vua”, phản ánh tinh thần của nền quân chủ lập hiến.

Quyền lực hành pháp tại Anh thuộc về Chính phủ, đứng đầu là Thủ tướng, người lãnh đạo đảng chiếm đa số trong Hạ viện. Việc Thủ tướng được hình thành từ đảng cầm quyền không do Hiến pháp quy định, mà là kết quả của quy ước chính trị ổn định lâu đời⁽¹⁶⁾.

Đảng cầm quyền tại Anh phải chịu nhiều cơ chế kiểm soát. *Thứ nhất*, Chính phủ phải giải trình hằng tuần trước Hạ viện, đặc biệt là thông qua phiên chất vấn Thủ tướng (Prime Minister’s Questions - PMQs). Trong phiên này, Thủ tướng phải trả lời trực tiếp các câu hỏi từ phe đối lập và các nghị sĩ, tạo ra áp lực chính trị đáng kể. *Thứ hai*, các Ủy ban Quốc hội (Select Committees), đặc biệt là Ủy ban Quản lý công (Public Accounts Committee), có quyền điều tra, thẩm tra và yêu cầu Chính phủ cung cấp thông tin. Đây là công cụ giám sát tài khóa và hành chính mạnh mẽ của cơ quan lập pháp⁽¹⁷⁾. *Thứ ba*, hệ thống tư pháp độc lập tại Anh, đặc biệt là sau khi có Đạo luật cải cách Hiến pháp năm 2005 (Constitutional Reform Act 2005), đã tăng cường vai trò của Tòa án Tối cao (Supreme Court of the United Kingdom). Tòa án có quyền xem xét tính hợp pháp của các hành vi hành pháp và các quyết định hành chính, đồng thời bảo đảm sự tuân thủ nguyên tắc pháp quyền trong hoạt động của đảng cầm quyền.

Bên cạnh đó, Bộ Quy tắc Bộ trưởng (Ministerial Code) tuy không mang tính pháp lý ràng buộc, nhưng vẫn được xem là quy chuẩn đạo đức chính trị bắt buộc đối với các thành viên nội các. Vi phạm Bộ Quy tắc này có thể dẫn đến việc từ chức hoặc bị điều tra chính trị, như từng xảy ra với một số Bộ trưởng dưới thời Thủ tướng Boris Johnson⁽¹⁸⁾.

Tuy nhiên, kể từ Đạo luật Nhiệm kỳ Cố định của Quốc hội (Fixed-term Parliaments Act) năm 2011 (sau đó đã bị bãi bỏ bởi Đạo luật Giải tán và Triệu tập Quốc hội năm 2022), quyền giải tán Quốc

hội được điều chỉnh nhằm hạn chế sự tùy tiện của đảng cầm quyền⁽¹⁹⁾.

Trong bối cảnh không có Hiến pháp thành văn, hệ thống chính trị tại Vương quốc Anh vẫn duy trì điều hành hiệu quả cao. Yếu tố bảo đảm cho hiệu quả đó là các quy ước hiến định ổn định, truyền thống dân chủ nghị viện lâu đời và các thiết chế kiểm soát quyền lực linh hoạt. Đảng cầm quyền được trao quyền rất lớn trong tổ chức bộ máy nhà nước, nhưng cũng phải chịu trách nhiệm giải trình trước Quốc hội, Tòa án và xã hội dân sự. Đây là minh chứng cho khả năng tự điều chỉnh và tính hiệu quả của nền dân chủ nghị viện Vương quốc Anh.

Trong bối cảnh xã hội biến động liên tục về hệ giá trị, các đảng chính trị phương Tây đã không ngừng đổi mới về tổ chức, cương lĩnh chính trị và phương thức vận động. Sự thích ứng nhanh nhạy này giúp các đảng cầm quyền duy trì được tính đại diện thực chất, giữ vững sự kết nối với xã hội và củng cố tính chính danh chính trị. Tuy nhiên, nếu quá thiên về thích ứng mà thiếu định hướng chiến lược rõ ràng thì có thể dẫn tới nguy cơ chủ nghĩa cơ hội chính trị, khiến đảng cầm quyền dễ bị cuốn theo các xu thế ngắn hạn, làm suy giảm khả năng hoạch định chính sách dài hạn và ảnh hưởng tiêu cực đến tính ổn định của hệ thống chính trị.

2. Mối quan hệ giữa đảng cầm quyền và nhà nước

Thứ nhất, vai trò trung gian của đảng chính trị trong nền dân chủ đại diện

Trong các nền dân chủ hiện đại phương Tây, đảng chính trị là thiết chế trung gian kết nối xã hội dân sự và nhà nước, có chức năng điều phối quyền lực và phản ánh ý chí xã hội. Joseph Schumpeter xem đảng là “đội quân chuyên nghiệp” tranh cử để kiểm soát nhà nước⁽²⁰⁾. Maurice Duverger coi đảng là “hình thức thể chế hóa ý chí tập thể”, nơi kết tinh nhu cầu và lợi ích xã hội thành chương trình hành động⁽²¹⁾. Giovanni Sartori nhấn mạnh rằng, hệ thống chính đảng quyết định

sự ổn định dân chủ, vừa phản ánh lợi ích xã hội, vừa kiểm soát hành vi chính trị⁽²²⁾. Như vậy, đảng chính trị là chủ thể thiết yếu truyền tải ý chí nhân dân vào nhà nước, qua đó chuyển hóa sự đa dạng xã hội thành các chính sách công khả thi.

Thứ hai, vai trò thiết lập và kiểm soát quyền lực nhà nước của đảng cầm quyền

Theo học thuyết phân quyền của Montesquieu, quyền lực nhà nước cần được chia tách và giám sát lẫn nhau nhằm tránh nguy cơ độc quyền. Trong thực tế, khi một đảng chiếm đa số ghế trong nghị viện hoặc thắng cử tổng thống, đảng đó thường nắm cả quyền lập pháp và hành pháp⁽²³⁾. Tình trạng này có thể làm suy yếu sự phân quyền nếu thiếu cơ chế kiểm soát hiệu quả. Vì vậy, đảng cầm quyền cần đặt mình trong khuôn khổ giám sát chặt chẽ từ nội bộ tổ chức đến pháp luật quốc gia.

Trong công trình nghiên cứu “chính trị như một thiên chức” (năm 1919), Max Weber cảnh báo rằng, quyền lực chính trị nếu không bị ràng buộc bởi trách nhiệm đạo đức và pháp lý, thì dễ rơi vào tình trạng hành chính hóa cứng nhắc hoặc biến tướng thành công cụ phục vụ lợi ích nhóm. Do đó, một đảng cầm quyền chính danh phải duy trì cơ chế giải trình minh bạch, nâng cao năng lực kỹ trị và chấp nhận sự kiểm tra thường xuyên từ bên trong lẫn bên ngoài⁽²⁴⁾.

Thứ ba, yêu cầu chế ước quyền lực trong nền dân chủ hiện đại

Một trong những nguyên tắc nền tảng của dân chủ pháp quyền là mọi chủ thể quyền lực, kể cả đảng cầm quyền, đều phải bị ràng buộc bởi pháp luật. Đảng không thể là “người ngoài luật pháp”, mà phải là chủ thể tuân thủ nghiêm túc các thiết chế kiểm soát, như hiến pháp, quốc hội, tòa án, báo chí, đặc biệt là nhân dân.

Robert Dahl, một trong những học giả có ảnh hưởng lớn trong nghiên cứu về dân chủ, khẳng định rằng, một nền dân chủ thực chất chỉ tồn tại khi đồng thời đáp ứng hai điều

kiện: (1) có sự cạnh tranh quyền lực thực chất giữa các lực lượng chính trị, (2) có hệ thống pháp luật bảo vệ quyền tự do của công dân. Nếu đảng cầm quyền không bị giới hạn bởi pháp luật, dân chủ dễ biến thành “chuyên chế số đông” hoặc độc tài chính trị dưới danh nghĩa “ý chí nhân dân”⁽²⁵⁾.

Do vậy, kiểm soát quyền lực đảng cầm quyền không chỉ là yêu cầu kỹ thuật thể chế, mà còn là vấn đề đạo đức quyền lực và tính chính danh của toàn bộ hệ thống. Một đảng cầm quyền đúng nghĩa phải biết tự giới hạn, minh bạch và chịu trách nhiệm trong khuôn khổ dân chủ, pháp quyền và sự làm chủ của nhân dân.

Thứ tư, ảnh hưởng của đảng cầm quyền đến bộ máy nhà nước

Trong các hệ thống dân chủ đại nghị, đảng cầm quyền thường chiếm đa số ghế trong nghị viện và nắm giữ chính phủ. Điều này cho phép đảng có ảnh hưởng lớn đến việc thông qua các dự luật, hoạch định chính sách, phân bổ ngân sách, cũng như tổ chức, cải cách và điều hành bộ máy chính phủ. Nhờ đó, các chính sách của chính phủ có điều kiện được triển khai đồng bộ và hiệu quả. Đối với cơ quan tư pháp, trong một số trường hợp, đảng cầm quyền có thể tác động đến quá trình bổ nhiệm các thẩm phán hoặc can thiệp vào các vụ án quan trọng có liên quan lợi ích của đảng. Tuy nhiên, mối quan hệ giữa đảng cầm quyền và cơ quan nhà nước ở các nước phương Tây là một hệ thống phức tạp. Nếu đảng cầm quyền không có đủ đa số ghế trong nghị viện, thì đảng chiếm đa số ghế khi đó sẽ giữ vai trò đối trọng, buộc đảng cầm quyền phải thỏa hiệp về chính sách. Nhờ vậy, các chính sách được phản biện và thẩm định một cách chặt chẽ hơn. Tương tự, nếu đảng cầm quyền sử dụng sức ảnh hưởng để tác động bất hợp pháp đến cơ quan tư pháp, hành vi này khi bị phát hiện sẽ xử lý nghiêm khắc và làm suy giảm uy tín chính trị của đảng.

Từ các mô hình đảng cầm quyền ở các nước phương Tây, có thể rút ra một số nhận xét sau:

Một là, với chế độ đa đảng, việc đảng chính trị nắm giữ vị trí trung tâm trong hệ thống quyền lực nhà nước tại các nền dân chủ phương Tây phản ánh sự lựa chọn phù hợp với quy luật vận động của dân chủ đại diện hiện đại. Trong thực tiễn, thông qua các cuộc bầu cử tự do, phổ thông và định kỳ, các đảng chính trị không chỉ đại diện cho nhân dân, mà còn nắm giữ vai trò tổ chức và điều phối bộ máy quyền lực công, bảo đảm sự vận hành thông suốt và hiệu quả của nhà nước. Đặc biệt, việc đảng cầm quyền đồng thời chiếm ưu thế tại cả nhánh hành pháp và lập pháp đã cho phép chính phủ duy trì tính nhất quán về chính sách, hạn chế sự xung đột thể chế và tạo tiền đề cho việc thực thi nhanh chóng các chương trình nghị sự quốc gia. Tuy nhiên, cơ chế tập trung quyền lực này cũng đặt ra thách thức đối với nguyên tắc giới hạn quyền lực - nguyên tắc cốt lõi của dân chủ pháp quyền. Nếu thiếu những thiết chế kiểm soát và đối trọng hiệu quả, quyền lực có thể dễ dàng bị lạm dụng hoặc tha hóa.

Hai là, trong khi trao quyền lực cho đảng cầm quyền để thực thi chương trình hành động, các nền dân chủ phương Tây đã thiết lập những cơ chế chế ước và kiểm soát quyền lực mang tính hệ thống. Nhờ đó, quyền lực chính trị không vận hành một cách tùy tiện mà luôn được đặt dưới sự kiểm soát chặt chẽ của các thiết chế độc lập. Mô hình kiểm soát và đối trọng tại Hoa Kỳ, cơ chế bất tín nhiệm mang tính xây dựng tại Đức, cùng với tình trạng đồng nhiệm tại Pháp, hay cơ chế trách nhiệm giải trình hàng tuần tại Hạ viện Vương quốc Anh, đều cho thấy rằng, quyền lực của đảng cầm quyền luôn chịu sự giám sát liên tục và thực chất.

Ba là, khả năng tự điều chỉnh và thích ứng linh hoạt của các đảng cầm quyền trước những biến động sâu sắc của môi trường chính trị - xã hội là nhân tố thiết yếu, góp phần duy trì sự ổn định và bền vững của các

nền dân chủ ở phương Tây. Nhìn chung, mô hình đảng cầm quyền tại các nước phương Tây cho thấy sự kết hợp hài hòa giữa quyền lực chính trị mạnh mẽ và cơ chế kiểm soát quyền lực chặt chẽ. Sự kết hợp này tạo nên những nền dân chủ đại diện vừa ổn định về hình thức, vừa năng động về nội dung. Tuy nhiên, sự thành công của mô hình này cũng đặt ra yêu cầu thường xuyên củng cố các thiết chế kiểm soát quyền lực, duy trì tính chính danh của đảng cầm quyền và phát huy khả năng thích ứng chiến lược trước những biến động của xã hội □

(1) Joel H. Silbey, *The American Political Nation, 1838–1893*, Stanford University Press, 2002, tr.45,46

(2) Neustadt, R. E, *Presidential Power and the Modern Presidents*, Free Press, 1990, tr.112

(3) James Madison, *Federalist No. 51*, 1788

(4) U.S. Constitution, Article I, Section 2–3; Article II, Section 4

(5) *Texas v. Johnson*, 491 U.S. 397, 1989

(6) và (7) French Republic, *Constitution du 4 octobre 1958*, Légifrance. Retrieved from <https://www.legifrance.gouv.fr/loda/id/JORFTEXT000000571356>, 1958

(8) Conseil constitutionnel, “Présentation générale”, <https://www.conseil-constitutionnel.fr/le-conseil-constitutionnel/presentation-generale>, 2023

(9), (10), (11), (12) và (13) Federal Republic of Germany, *Basic Law for the Federal Republic of Germany (Grundgesetz)*. Translation by the Press and Information Office of the Federal Government, Berlin. Retrieved from https://www.gesetze-im-internet.de/englisch_gg, 1949

(14) V. Dicey, *Introduction to the Study of the Law of the Constitution*, Macmillan & Co, London, 1885, tr. 70 - 80

(15) Bogdanor, V, *The New British Constitution*, Hart Publishing, 2009, tr.15-19

(16) Norton, P, *The British Polity*, 5th Edition, Routledge, 2013, tr.204-206

(17) House of Commons, *Public Accounts Committee Overview*, committees.parliament.uk

(18) Institute for Government, Ministerial Code, www.instituteforgovernment.org.uk, 2022

(19) UK Parliament, *Fixed-term Parliaments Act 2011*, www.legislation.gov.uk/ukpga/2011/14

(20) Joseph A. Schumpeter, *Capitalism, Socialism and Democracy*, Harper & Brothers, New York, 1942, tr.269-272

(21) Maurice Duverger, *Les Partis Politiques*, Presses Universitaires de France (PUF), Paris, 1951, tr.15 - 17

(22) Giovanni Sartori, *Parties and Party Systems: A Framework for Analysis*, Cambridge University Press, 1976, tr.28-30, 55-60

(23) Montesquieu, *De l’esprit des lois* (Tinh thần pháp luật) (The Spirit of the Laws), 1748

(24) Fleury, F. *Tư tưởng Max Weber*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội, 2015, tr.164

(25) Coglianesi, C., & Dahl, R. A, Democracy and its critics. *Michigan Law Review*, 88(6), p.1662. <https://doi.org/10.2307/1289333>, 1990